

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 424/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 6 năm 2024
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Lai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Diễm

2. Bà Nguyễn Thị Thụy

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quang Huy -Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 340/TLST- HNGĐ ngày 21/5/2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Vũ Mai H, sinh năm 1969. (Có mặt)

HKTT: 65 – N19 K86 Liễu Giai, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Dương Hoài C, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

HKTT: 65 – N19 K86 Liễu Giai, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án tại phân trại 1, đội 9, Trại giam số 6, Thanh Chương, Nghệ An- Bộ công an. (Địa chỉ: Xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2024 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Mai H trình bày:

Bà và ông Dương Hoài C có qua lại, tìm hiểu nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Cầu Giấy, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội ngày 23/01/1992. Sau khi kết hôn bà và ông C về chung sống tại số 65-N19 K86 phố Liễu Giai, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2010, ông C vi phạm pháp luật và bị bắt, đến năm 2011 ông C bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt án chung thân về tội Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản. Hiện nay ông C đang thi hành án tại phân trại 1,

đội 9, Trại giam số 6, Thanh Chương, Nghệ An – Bộ công an. Địa chỉ: Xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Bà xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C.

Nay ông C cũng đồng ý ly hôn với bà, đề nghị Tòa án cho bà ly hôn ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung là Dương Bảo Ngân, sinh ngày 19/02/1993 và Dương Hạnh Dung, sinh ngày 18/10/1998. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Bà và ông C không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và bản tự khai ông Dương Hoài C trình bày như sau:

Ông và bà Vũ Mai H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cầu Giấy, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội vào ngày 23/01/1992.

Ông và bà H chung sống với nhau một thời gian hạnh phúc, đến 15/3/2010 do vi phạm pháp luật nên ông bị bắt. Năm 2011 ông bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt tù chung thân vì hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Từ đó đến nay ông thi hành án tại phân trại 1 – Trại giam số 6.

Nay bà H xin ly hôn ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Dương Bảo Ngân, sinh ngày 19/02/1993 và Dương Hạnh Dung, sinh ngày 18/10/1998. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nhà ở chung: Ông và bà H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại ông đang chấp hành hình phạt tù nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho phép ông được vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông C.

Ông C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà H và ông C đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông C đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, cho bà H ly hôn ông C.

Hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và nhà ở: Bà H và ông C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về việc vắng mặt đương sự:

Ông Dương Hoài C đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông C có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Bà Vũ Mai H và ông Dương Hoài C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Cầu Giấy, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội ngày 23/01/1992. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Ông C vi phạm pháp luật và hiện đang thi hành án chung thân tại phân trại 1 – Trại giam số 6. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn ông C. Ông C đồng ý ly hôn bà H.

Xét thấy, cuộc hôn nhân của bà H và ông C không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt. Nay ông C đồng ý ly hôn bà H. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà H ly hôn ông C.

Về con chung: Bà H và ông C có 02 con chung là Dương Bảo Ngân, sinh ngày 19/02/1993 và Dương Hạnh Dung, sinh ngày 18/10/1998. Con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nhà ở: Bà H và ông C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bà H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 58; 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 28; 144; 147; 227; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1, Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Vũ Mai H.

Bà Vũ Mai H ly hôn ông Dương Hoài C.

2, Về con chung: Bà Vũ Mai H và ông Dương Hoài C có 02 con chung là Dương Bảo Ngân, sinh ngày 19/02/1993 và Dương Hạnh Dung, sinh ngày 18/10/1998. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3, Về tài sản và nhà ở: Bà Vũ Mai H và ông Dương Hoài C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4, Về án phí: Bà Vũ Mai H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0030086 ngày 21/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Bà H có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông C vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- UBND phường Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)